

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH KHÁNH HÒA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 105 /NQ-HĐND

Khánh Hòa, ngày 19 tháng 10 năm 2021

NGHỊ QUYẾT

**Về việc thông qua Đề án tổ chức lực lượng, huấn luyện, hoạt động
và bảo đảm chế độ, chính sách cho Dân quân tự vệ trên
địa bàn tỉnh Khánh Hòa, giai đoạn 2021 - 2025**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH KHÁNH HÒA
KHÓA VII, KỲ HỌP THỨ 3**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

*Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và
Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Dân quân tự vệ ngày 22 tháng 11 năm 2019;

*Căn cứ Nghị định số 72/2020/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2020 của Chính
phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Dân quân tự vệ;*

*Căn cứ Thông tư số 77/2020/TT-BQP ngày 23 tháng 6 năm 2020 của Bộ
trưởng Bộ Quốc phòng quy định một số điều của Luật Dân quân tự vệ về tổ chức
xây dựng lực lượng Dân quân tự vệ;*

*Căn cứ Thông tư số 69/2020/TT-BQP ngày 15 tháng 6 năm 2020 của Bộ
trưởng Bộ Quốc phòng quy định chi tiết một số điều của Luật Dân quân tự vệ về
tập huấn, bồi dưỡng, huấn luyện, hội thi, hội thao, diễn tập cho Dân quân tự vệ;*

*Xét tờ trình số 9092/TTr-UBND ngày 16 tháng 9 năm 2021 của Ủy ban nhân
dân tỉnh; Báo cáo thẩm tra số 139/BC-HĐND ngày 14 tháng 10 năm 2021 của
Ban Pháp chế Hội đồng nhân dân tỉnh; tiếp thu, giải trình của Ủy ban nhân dân
tỉnh tại văn bản số 10430/UBND-NC ngày 18 tháng 10 năm 2021; ý kiến thảo luận
của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp.*

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua Đề án tổ chức lực lượng, huấn luyện, hoạt động và bảo
đảm chế độ, chính sách cho Dân quân tự vệ trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa, giai đoạn
2021- 2025 (kèm theo Đề án).

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này.
2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Khánh Hòa khóa VII, nhiệm kỳ 2021 - 2026, Kỳ họp thứ 3 thông qua ngày 19 tháng 10 năm 2021./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Quốc phòng (Vụ Pháp chế);
- Ban Thường vụ Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- UBND tỉnh, UBND TTQVN tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các cơ quan tham mưu, giúp việc Tỉnh ủy;
- VP Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- VP UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành tỉnh;
- HĐND, UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Lưu: VT, TN.

**KT.CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Trần Mạnh Dũng



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐỀ ÁN

**Tổ chức lực lượng, huấn luyện, hoạt động và bảo đảm chế độ, chính sách
cho Dân quân tự vệ trên địa bàn tỉnh, giai đoạn 2021 - 2025**
(Kèm theo Nghị quyết số 105/NQ-HĐND ngày 19 tháng 10 năm 2021)

Phần 1

QUAN ĐIỂM, MỤC TIÊU, PHẠM VI CỦA ĐỀ ÁN

I. QUAN ĐIỂM

- Giữ vững, tăng cường sự lãnh đạo của cấp ủy Đảng, sự quản lý tập trung, thống nhất của chính quyền địa phương các cấp đối với Dân quân tự vệ; tuân thủ trình tự, thủ tục và đúng các văn bản quy phạm pháp luật.
- Cụ thể hóa Nghị định số 72/2020/NĐ-CP, ngày 30 tháng 6 năm 2020 của Chính phủ; Thông tư số 77/2020/TT-BQP, ngày 23 tháng 6 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng và một số văn bản pháp luật khác có liên quan, tạo cơ sở pháp lý đầy đủ, đồng bộ để hoàn thiện Đề án về thực hiện tổ chức lực lượng, huấn luyện, hoạt động bảo đảm chế độ, chính sách cho lực lượng Dân quân tự vệ, bảo đảm tính hợp pháp và thống nhất, phù hợp với thực tiễn địa phương.
- Khắc phục hạn chế, vướng mắc, bất cập, nghiên cứu nguyên nhân, bài học kinh nghiệm, các nhóm giải pháp, kiến nghị, đề xuất, rút ra từ tổng kết thực hiện Đề án, giai đoạn 2016-2020.

II. MỤC TIÊU

Xây dựng lực lượng dân quân tự vệ vững mạnh, rộng khắp có số lượng phù hợp, chất lượng tổng hợp ngày càng cao, lấy xây dựng chất lượng chính trị, độ tin cậy là chính; tổ chức biên chế tinh gọn, chặt chẽ; trang bị phù hợp; được giáo dục chính trị, pháp luật, huấn luyện quân sự toàn diện, thiết thực; khả năng sẵn sàng chiến đấu và sức mạnh chiến đấu ngày càng cao, đáp ứng ngày càng tốt hơn yêu cầu, nhiệm vụ quốc phòng - an ninh trong tình hình mới, thực sự là lực lượng chính trị tin cậy của cấp ủy, chính quyền địa phương và nhân dân. Chú trọng xây dựng nâng cao chất lượng dân quân tự vệ ở vùng trọng điểm về quốc phòng - an ninh và những địa bàn phức tạp đảm bảo đủ sức đối phó với các tình huống xảy ra.

III. ĐỐI TƯỢNG ÁP DỤNG, PHẠM VI ĐIỀU CHỈNH

1. Đối tượng áp dụng

- Lực lượng Dân quân tự vệ.

- Các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan đến tổ chức lực lượng, huấn luyện, hoạt động và bảo đảm chế độ, chính sách cho Dân quân tự vệ trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa.

2. Phạm vi điều chỉnh

Trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa điều chỉnh các nội dung gồm: Nghĩa vụ tham gia Dân quân tự vệ; tổ chức biên chế Dân quân tự vệ, số lượng Phó chỉ huy trưởng quân sự xã, Dân quân thường trực cấp xã trọng điểm về quốc phòng; mức hưởng chế độ phụ cấp các chức vụ chỉ huy Dân quân tự vệ; định mức bảo đảm chế độ, chính sách cho Dân quân tự vệ khi thực hiện nhiệm vụ; trang phục, công cụ hỗ trợ của Dân quân tự vệ. Các nội dung còn lại thực hiện theo quy định của Luật, Nghị định, Thông tư và các văn bản có liên quan về Dân quân tự vệ.

Phần 2 NỘI DUNG ĐỀ ÁN

I. ĐĂNG KÝ, QUẢN LÝ NGUỒN, TUYỂN CHỌN LỰC LƯỢNG DÂN QUÂN TỰ VỆ, TỔ CHỨC LUÂN PHIÊN LỰC LƯỢNG DÂN QUÂN TỰ VỆ

1. Đăng ký, quản lý

Theo Điều 4 Thông tư số 77/2020/TT-BQP, ngày 23 tháng 6 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng:

- Đăng ký công dân trong độ tuổi thực hiện Luật Dân quân tự vệ là nội dung trước tiên của công tác xây dựng lực lượng Dân quân tự vệ, là điều kiện để tuyển chọn công dân có chất lượng để kết nạp vào lực lượng Dân quân tự vệ trong thời bình và mở rộng quy mô lực lượng khi chuyển sang thời chiến. Trách nhiệm đăng ký là Ủy ban nhân dân cấp xã; trước khi đăng ký phải tổ chức tập huấn cho các thành phần tham gia đăng ký, thời điểm đăng ký vào tháng 4 hằng năm, địa điểm đăng ký tại thôn, tổ dân phố hoặc cụm dân cư;

- Đối tượng đăng ký là nam công dân từ đủ 18 tuổi đến hết 45 tuổi, nữ công dân từ đủ 18 tuổi đến hết 40 tuổi; nếu tình nguyện tham gia Dân quân tự vệ thì có thể kéo dài đến 50 tuổi đối với nam, đến hết 45 tuổi đối với nữ; sau đăng ký Ủy ban nhân dân cấp xã tiến hành xét duyệt công dân đủ điều kiện kết nạp vào lực lượng Dân quân tự vệ, công dân đủ điều kiện sẵn sàng mở rộng khi có tình huống về quốc phòng, tổng hợp kết quả đăng ký báo cáo cấp trên vào tháng 5 hàng năm.

- Đối tượng quản lý bao gồm: Dân quân tự vệ trong độ tuổi; Dân quân tự vệ đủ điều kiện thực hiện nghĩa vụ tham gia Dân quân tự vệ; đã hoàn thành nghĩa vụ Dân quân tự vệ còn trong độ tuổi thực hiện nghĩa vụ Dân quân tự vệ; quân nhân dự bị chưa xếp vào đơn vị dự bị động viên.

2. Tiêu chuẩn tuyển chọn dân quân tự vệ

Công dân Việt Nam trong độ tuổi thực hiện nghĩa vụ tham gia Dân quân tự vệ có đủ các tiêu chuẩn sau đây được tuyển chọn vào dân quân tự vệ:

- Lý lịch bản thân và gia đình rõ ràng; phẩm chất chính trị, đạo đức tốt, lối

sống lành mạnh; chấp hành nghiêm đường lối, quan điểm của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và quy định của địa phương,

- Có sức khỏe do y tế cấp xã trở lên xác nhận, trừ trường hợp nghiện ma túy, HIV/AIDS, không đủ sức khỏe về thể lực, dị tật, dị dạng. Tuyển chọn vào dân quân thường trực sức khỏe loại 1, 2, 3 theo kết luận của cơ sở y tế cấp huyện trở lên.

3. Tổ chức luân phiên lực lượng Dân quân tự vệ

Thực hiện luân phiên là yêu cầu cần thiết, với mục đích thực hiện quân sự hóa toàn dân, đảm bảo tính công bằng xã hội, cung cấp nguồn cho lực lượng vũ trang khi có tình huống, hoặc chiến tranh xảy ra. Ban chỉ huy quân sự cấp xã phải lập kế hoạch trình Ban chỉ huy quân sự cấp huyện phê duyệt, tổ chức luân phiên theo tỷ lệ 25% so với tổng số Dân quân tự vệ/năm, cho ra lực lượng Dân quân tự vệ đã hoàn thành nhiệm vụ theo đúng thời gian quy định.

II. TỔ CHỨC, BIÊN CHỨC

1. Tổ chức đơn vị Dân quân tự vệ

Thực hiện theo Điều 15 Luật Dân quân tự vệ, Điều 7 Thông tư số 77/2020/TT-BQP, ngày 23 tháng 6 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng và quy định của Tụ lệnh Quân khu 5.

1.1. Tổ chức, biên chế, số lượng Dân quân tự vệ

1.1.1. Đối với cấp tỉnh

- Tổ chức 01 đại đội pháo phòng không 37mm-1 của tỉnh: pháo phòng không 37^{mm-1} Công ty cổ phần Dệt may Nha Trang.

- Hải đội Dân quân thường trực: Tổ chức 01 Hải đội dân quân thường trực tại huyện Vạn Ninh.

1.1.2. Đối với cấp huyện

- Lực lượng cơ động: Mỗi huyện, thị xã, thành phố xây dựng 02 trung đội dân quân cơ động (*riêng huyện Khánh Sơn xây dựng 01 trung đội dân quân cơ động*), lực lượng lấy ở những địa bàn gần trung tâm hành chính cấp huyện để tiện huy động làm nhiệm vụ khi cần thiết.

- Lực lượng Pháo binh : Mỗi huyện, thị xã, thành phố xây dựng 02 trung đội cối 82^{mm}, 02 trung đội ĐKZ 82^{mm} (*riêng huyện Khánh Sơn xây dựng 01 trung đội cối 82^{mm}, 01 trung đội ĐKZ 82^{mm}*).

- Lực lượng phòng không SMPK 12,7^{mm}: Thành phố Nha Trang xây dựng 04 trung đội, thành phố Cam Ranh, thị xã Ninh Hòa xây dựng 03 trung đội, huyện Khánh Sơn xây dựng 01 trung đội, các huyện còn lại mỗi huyện xây dựng 02 trung đội.

1.1.3. Đối với cấp xã

- Lực lượng dân quân cơ động: Mỗi cấp xã xây dựng 01 trung đội.

- Lực lượng dân quân thường trực: Cấp xã trọng điểm về quốc phòng, an

ninh xây dựng 01 tiểu đội.

- Lực lượng cối 60^{mm}: Mỗi cấp xã xây dựng 01 khẩu đội.
- Dân quân binh chủng: Thông tin, công binh, phòng hoá, trinh sát, y tế mỗi cấp xã xây dựng 01 tổ đến 01 tiểu đội.
- Lực lượng dân quân biển: Mỗi cấp xã ven biển xây dựng 01 tiểu đội. Riêng Vĩnh Phước, Phước Đồng/Nha Trang, Ba Ngòi/Cam Ranh, Ninh Thủy/Ninh Hòa, Đại Lãnh/Vạn Ninh xây dựng 01 trung đội.

1.1.4. Cấp thôn

Lực lượng Dân quân tại chỗ: Mỗi thôn, tổ dân phố xây dựng 01 tổ đến 01 tiểu đội.

1.1.5. Đối với Cơ quan, tổ chức

- Lực lượng tự vệ tại chỗ: Cử cố đại đội tự vệ tại chỗ của Trường Đại học Nha Trang. Các cơ quan, đơn vị còn lại tổ chức cấp tiểu đội, trung đội.
- Lực lượng tự vệ biển: Tổ chức, duy trì hoạt động 02 trung đội tự vệ biển của Công ty TNHH một thành viên Yến sào Khánh Hòa.
- Rà soát, kiện toàn tổ chức biên chế quân số các đơn vị tự vệ theo đúng qui định của Thông tư số 77/2020/TT-BQP của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng, giải thể những đơn vị không phù hợp, không đủ điều kiện theo Luật Dân quân tự vệ và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Dân quân tự vệ.

- Cử cố kiện toàn nâng cao chất lượng Ban chỉ huy quân sự cơ quan, tổ chức đủ sức giúp lãnh đạo cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp triển khai thực hiện nhiệm vụ công tác quốc phòng, quân sự và xây dựng lực lượng tự vệ ở cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp. Số lượng tự vệ, biên chế tổ chức phải phù hợp với Luật Dân quân tự vệ, các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Dân quân tự vệ và chỉ thị, hướng dẫn của cơ quan quân sự cấp trên.

1.2. Số lượng Dân quân tự vệ toàn tỉnh

Tổng số Dân quân tự vệ: 17.036 người; trong đó dân quân 12.532 người; tự vệ 4.504 người. Cụ thể:

- Ban Chỉ huy quân sự cấp cấp xã: 613 người.
- Các chức vụ chỉ huy đơn vị dân quân: 2.025 người.
- Chiến sỹ dân quân: 9.894 người.
- Ban Chỉ huy quân sự cơ quan, tổ chức: 428 người.
- Các chức vụ chỉ huy đơn vị tự vệ: 515 người.
- Chiến sỹ tự vệ: 3.561 người.

1.3. Chất lượng Dân quân tự vệ

Từng bước nâng tỷ lệ đảng viên trong Dân quân tự vệ toàn tỉnh đến năm 2025 đạt 23,5% trở lên, trong đó tỷ lệ đảng viên trong dân quân đạt 18% trở lên, tỷ lệ đảng viên trong tự vệ đạt 40% trở lên; 100% cấp xã thành lập chi bộ quân sự;

trong đó 80% trở lên chi bộ có cấp uỷ; Tiểu đội trưởng Dân quân thường trực là đảng viên, trung đội Dân quân cơ động có tổ đảng; đại đội Pháo Phòng không 37^{mm} tự vệ, đại đội tự vệ tại chỗ có tổ đảng, Hải đội dân quân thường trực có Chi bộ. Để góp phần nâng cao chất lượng đảng viên, hàng năm các cơ sở có kế hoạch phát triển từ 1 đến 2 đảng viên ở mỗi chi bộ quân sự cấp xã. Tỷ lệ đoàn viên đạt trên 60% trở lên; 100% các trung đội dân quân cơ động hoàn thành nhiệm vụ được giao trong mọi tình huống; 100% Ban chỉ huy quân sự cấp xã, Ban Chỉ huy Quân sự cơ quan, tổ chức hoàn thành tốt nhiệm vụ.

2. Ban chỉ huy quân sự cấp xã, Ban chỉ huy quân sự cơ quan, tổ chức, thôn đội trưởng

2.1. Ban chỉ huy quân sự cấp xã

- Số lượng Ban chỉ huy quân sự cấp xã: 136; trong đó:

+ Số lượng Ban chỉ huy quân sự cấp xã bố trí đủ 4 chức danh: 136 Ban chỉ huy.

+ Số lượng Ban Chỉ huy quân sự cấp xã bố trí 02 Phó chỉ huy trưởng: 69 Ban chỉ huy.

- Số lượng các chức vụ chỉ huy: 613 người.

+ Chỉ huy trưởng: 136 người.

+ Chính trị viên: 136 người.

+ Phó chỉ huy trưởng: 205 người.

+ Chính trị viên phó: 136 người.

2.2. Ban chỉ huy quân sự cơ quan, tổ chức

- Số lượng Ban chỉ huy quân sự cơ quan, tổ chức: 107 Ban chỉ huy

+ Số lượng Ban chỉ huy quân sự cơ quan, tổ chức bố trí đủ 4 chức danh: 107 Ban chỉ huy.

+ Số lượng Ban chỉ huy quân sự cơ quan, tổ chức bố trí 02 Phó chỉ huy trưởng: Không.

- Số lượng các chức vụ chỉ huy: 428 người.

+ Chỉ huy trưởng: 107 người.

+ Chính trị viên: 107 người.

+ Phó chỉ huy trưởng: 107 người.

+ Chính trị viên phó: 107 người

2.3. Thôn, tổ đội trưởng

- Tổng số thôn, tổ đội trưởng: 967 người;

- Kiêm tổ trưởng dân quân tại chỗ: 967 người.

III. ĐÀO TẠO, TẬP HUẤN, HUẤN LUYỆN, HỘI THI, HỘI THAO, DIỄN TẬP

1. Đào tạo cán bộ Chỉ huy trưởng, Phó Chỉ huy trưởng Ban chỉ huy quân sự cấp xã

- Thực trạng cán bộ Chỉ huy trưởng, Phó chỉ huy trưởng Ban chỉ huy quân sự cấp xã
- + Tổng số cán bộ Chỉ huy trưởng hiện có 134/136 đồng chí. Trong đó: đã qua đào tạo 133 đồng chí (*Trung cấp 91, cao đẳng 32, đại học 10*), chưa qua đào tạo 01 đồng chí.
- + Tổng số cán bộ Phó Chỉ huy trưởng hiện có là 212 đồng chí. Trong đó có 112 đồng chí đã qua đào tạo (*Trung cấp 77 đồng chí, cao đẳng 28 đồng chí, đại học 07 đồng chí*), chưa qua đào tạo 100 đồng chí.
- Tổng nhu cầu cán bộ quân sự là 341 đồng chí: Cán bộ Chỉ huy trưởng Ban chỉ huy quân sự cấp xã là 136 đồng chí; cán bộ Phó chỉ huy trưởng Ban chỉ huy quân sự cấp xã là 205 đồng chí (*69 xã loại 1, ven biển, đảo bố trí 02 Phó chỉ huy trưởng, 67 cấp xã còn lại bố trí 01 Phó chỉ huy trưởng*). Số đã được đào tạo 245 đồng chí, số phải đào tạo là 96 đồng chí (*01 Chỉ huy trưởng, 95 Phó chỉ huy trưởng*).

- Dự kiến đào tạo: 134 đồng chí.
- + Số chưa đào tạo là 96 đồng chí.
- + Dự kiến sau đào tạo hao hụt 40%: 38 đồng chí.

1.1. Đào tạo Trung cấp ngành quân sự cơ sở

1.1.1. Phân năm đào tạo

- + Năm 2020 đã cử 34 đ/c đào tạo Trung cấp chuyên ngành quân sự.
- + Năm 2021: 33 đồng chí.
- + Năm 2022: 35 đồng chí.
- + Năm 2023: 32 đồng chí.

1.1.2. Tiêu chuẩn tuyển chọn theo nhu cầu

- Là nguồn cán bộ được qui hoạch từ cơ sở được Sở Nội vụ tỉnh thông qua;
- Là đảng viên Đảng cộng sản Việt Nam, đoàn viên ưu tú đang giữ cương vị Chỉ huy trưởng, Phó chỉ huy trưởng Ban chỉ huy quân sự cấp xã; người đã qua hoặc đang giữ các chức vụ cán bộ trung đội trưởng, thôn đội trưởng, tiểu đội trưởng hoặc khẩu đội trưởng dân quân; quân nhân phục viên, xuất ngũ và sỹ quan, hạ sỹ quan, chiến sỹ thôi phục vụ trong lực lượng Công an nhân dân chưa xếp vào các đơn vị dự bị động viên và trong nguồn quy hoạch cán bộ quân sự cấp xã;
- Có bản lĩnh chính trị vững vàng, có phẩm chất đạo đức và trình độ năng lực công tác; có sức khỏe và khả năng tiếp thu kiến thức học tập;
- Có độ tuổi, không quá 35 tuổi;
- Trình độ học vấn tốt nghiệp Trung học phổ thông hoặc tương đương trở lên.

1.1.3. Chương trình, nội dung thời gian đào tạo

Thực hiện chương trình đào tạo theo Thông tư số 96/2015/TT-BQP, ngày 31 tháng 8 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng về Chương trình đào tạo trung cấp chuyên nghiệp ngành quân sự cơ sở.

Chiều sinh học viên đào tạo theo hình thức cử tuyển.

Thời gian đào tạo tập trung 18 tháng tại Trường Quân sự Quân khu 5.

1.1.4. Bố trí sắp xếp sau đào tạo

Theo qui hoạch nguồn cán bộ cơ sở của ngành chức năng các cấp đã được Sở Nội vụ tỉnh thông qua.

Bố trí đúng chức năng nhiệm vụ hoặc phát triển lên (tuyệt đối không chuyên ngành qua ngành khác).

1.2. Đào tạo cao đẳng, đại học ngành quân sự cơ sở

- Thực hiện theo Đề án đào tạo cán bộ Ban chỉ huy quân sự cấp xã trình độ cao đẳng, đại học ngành quân sự cơ sở đến năm 2020 và những năm tiếp theo ban hành kèm theo Quyết định 799/QĐ-TTg, ngày 25 tháng 5 năm 2011 của Thủ tướng Chính phủ; Kế hoạch đào tạo cán bộ quân sự Ban chỉ huy quân sự cơ sở trình độ cao đẳng, đại học ngành quân sự cơ sở đến năm 2020 và những năm tiếp theo ban hành kèm theo Quyết định số 3100/QĐ-UBND, ngày 25 tháng 11 năm 2011 của Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa.

- Mục tiêu đến năm 2025 có 100% số cán bộ Ban chỉ huy quân sự cấp xã đã qua đào tạo từ Trung cấp ngành quân sự cơ sở trở lên. Trong đó có 70 – 75% có trình độ cao đẳng, đại học ngành quân sự cơ sở.

1.2.1 Nhu cầu, chỉ tiêu đào tạo:

- Nhu cầu đào tạo cao đẳng, đại học được xác định: 75% cán bộ cao đẳng, đại học là 255 đồng chí, trừ 77 đồng chí đã được đào tạo cao đẳng, đại học. Như vậy số cán bộ phải đào tạo cao đẳng, đại học là 178 đồng chí, cộng với 10% số cán bộ phát triển lên chức vụ khác. Tổng cán bộ chưa qua đào tạo cao đẳng, đại học là 204 đồng chí.

- Chỉ tiêu: Đại học chính qui 16 chỉ tiêu, cử tuyển đại học 08 chỉ tiêu, đại học liên thông 20 chỉ tiêu, cao đẳng chính qui 40 chỉ tiêu, cao đẳng liên thông 120 chỉ tiêu. Chỉ tiêu hàng năm như sau:

+ Năm 2021 tổng số 51 chỉ tiêu: Đại học chính qui 04 chỉ tiêu, cử tuyển đại học 02 chỉ tiêu, đại học liên thông 5 chỉ tiêu, cao đẳng chính qui 10 chỉ tiêu, cao đẳng liên thông 30 chỉ tiêu.

+ Năm 2022 tổng số 51 chỉ tiêu: Đại học chính qui 04 chỉ tiêu, cử tuyển đại học 02 chỉ tiêu, đại học liên thông 05 chỉ tiêu, cao đẳng chính qui 10 chỉ tiêu, cao đẳng liên thông 30 chỉ tiêu.

+ Năm 2023 tổng số 51 chỉ tiêu: Đại học chính qui 04 chỉ tiêu, cử tuyển đại học 02 chỉ tiêu, đại học liên thông 05 chỉ tiêu, cao đẳng chính qui 10 chỉ tiêu, cao đẳng

liên thông 30 chỉ tiêu.

+ Năm 2024 tổng số 51 chỉ tiêu: Đại học chính qui 04 chỉ tiêu, cử tuyển đại học 02 chỉ tiêu, đại học liên thông 05 chỉ tiêu, cao đẳng chính qui 10 chỉ tiêu, cao đẳng liên thông 30 chỉ tiêu.

+ Năm 2025 căn cứ vào tình hình thực tiễn để điều chỉnh các chỉ tiêu đào tạo cho phù hợp.

1.2.2. Hình thức đào tạo

- Chính quy tập trung;
- Liên thông, liên kết.

1.2.3. Thời gian đào tạo

- Đào tạo trình độ cao đẳng thời gian 36 tháng;
- Đào tạo trình độ đại học thời gian 48 tháng;
- Đào tạo trình độ đại học (cử tuyển) thời gian 60 tháng;
- Đào tạo liên thông cán bộ có trình độ Trung cấp chuyên nghiệp quân sự cơ sở lên cao đẳng quân sự cơ sở, thời gian 18 tháng;
- Đào tạo liên thông cán bộ có trình độ cao đẳng quân sự cơ sở lên đại học quân sự cơ sở, thời gian 18 tháng;

1.2.4. Cơ sở đào tạo

- Đào tạo trình độ đại học, cao đẳng ngành quân sự cơ sở tại Trường sĩ quan Lục quân 2 (Đại học Nguyễn Huệ).
- Đào tạo trình độ cao đẳng liên thông ngành quân sự cơ sở tại Trường quân sự Quân khu 5.

2. Tập huấn, huấn luyện, hội thi, hội thao

Theo phân cấp hàng năm, trước khi bước vào huấn luyện cấp tỉnh đến cấp huyện, tổ chức tập huấn cho cán bộ Dân quân tự vệ theo đúng đối tượng, đảm bảo đủ nội dung, thời gian theo Thông tư 69/2020/TT-BQP, ngày 15 tháng 6 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng sát với yêu cầu thực tế ở địa phương cụ thể.

2.1. Cấp tỉnh

- Tập huấn: Hàng năm tổ chức tập huấn cho cán bộ Chỉ huy trưởng, Phó chỉ huy trưởng, Chính trị viên, Chính trị viên phó/Ban chỉ huy quân sự cấp xã, Ban chỉ huy quân sự cơ quan, tổ chức; quân số đạt từ 50% trở lên. Cán bộ đại đội, trung đội trưởng, khẩu đội trưởng phòng không, pháo binh; quân số đạt 100%. Nội dung theo quy định của Bộ Quốc phòng và Quân khu 5. Thời gian 07 ngày/năm.

- Huấn luyện: Đối tượng cán bộ, chiến sỹ Đại đội Pháo Phòng không 37^{mm}, quân số đạt 90% trở lên.

- Hội thi, hội thao: Hội thi Luật Dân quân tự vệ (quý 2/2021); Hội thao lực lượng Dân quân tự vệ tỉnh 02 lần (năm 2022, 2025).

2.2. Cấp huyện

- Tập huấn: Đối tượng thành phần; Thôn đội trưởng, cán bộ từ tiểu đội đến trung đội các đơn vị Dân quân tự vệ (trừ các thành phần do tỉnh quản lý); khẩu đội trưởng 12,7^{mm}, 14,5^{mm}, ĐKZ, cối 82^{mm}, cối 60^{mm}; quân số đạt 100%. Thời gian 05 ngày/năm.

- Huấn luyện các đối tượng Dân quân tự vệ

+ Dân quân năm thứ nhất: Huấn luyện 100% quân số, thời gian 15 ngày;

+ Dân quân năm thứ hai trở đi: dân quân cơ động, phòng không, pháo binh, công binh, hóa học, thông tin, trinh sát, y tế, dân quân biển: Huấn luyện 90% quân số trở lên, thời gian 12 ngày/năm.

+ Hội thi, hội thao: Hội thi Luật Dân quân tự vệ (quý 1/2021); Hội thao lực lượng Dân quân tự vệ cấp huyện 01 lần/năm.

2.3. Cấp xã

- Huấn luyện: Dân quân cơ động 90% quân số trở lên, thời gian 12 ngày/năm.

- Huấn luyện Dân quân tự vệ tại chỗ 85% quân số trở lên, thời gian từ 07 ngày/năm;

- Dân quân thường trực: Huấn luyện 100% quân số, thời gian 60 ngày/năm.

- Hội thi, hội thao: Tổ chức luyện tập tham gia hội thi, hội thao do cấp trên tổ chức;

- Diễn tập chiến đấu phòng thủ: Mỗi năm diễn tập từ 25-30% tổng số cấp xã, đến năm 2024, 100% cấp xã phải diễn tập xong. Ngoài ra tham gia diễn tập do cấp trên tổ chức; diễn tập phòng chống thiên tai, dịch họa theo quyết định Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện.

2.4. Cơ quan, tổ chức

- Huấn luyện đơn vị tự vệ thuộc quyền, quân số đạt 80% trở lên, thời gian 07 ngày/năm.

- Luyện tập tham gia hội thi, hội thao khi cấp trên tổ chức.

- Diễn tập và thực hiện các nhiệm vụ khác theo quyết định của cấp trên.

IV. HOẠT ĐỘNG CỦA DÂN QUÂN TỰ VỆ

Hoạt động của lực lượng Dân quân tự vệ tập trung vào các nội dung cơ bản sau:

1. Hoạt động sẵn sàng chiến đấu: Duy trì và thực hiện chế độ hoạt động sẵn sàng chiến đấu của Dân quân tự vệ. Xây dựng, điều chỉnh, bổ sung các kế hoạch về Dân quân tự vệ. Làm nòng cốt xây dựng thôn, xã, phường, thị trấn chiến đấu; tham gia xây dựng cơ sở vững mạnh toàn diện, khu vực phòng thủ, nền quốc phòng toàn dân, thể trận quốc phòng toàn dân gắn với xây dựng nền an ninh nhân dân, thể trận an ninh nhân dân ở địa phương. Tham gia thực hiện các biện pháp về chiến tranh thông tin, chiến tranh không gian mạng và các hoạt động khác.

Ngoài việc duy trì lực lượng trực bảo vệ mục tiêu thường xuyên, còn tổ chức huy động 4.228 Dân quân cơ động trực sẵn sàng chiến đấu nhân các ngày lễ, Tết 6 đợt/năm (Tết Nguyên Đán, Tết dương lịch, ngày thành lập Đảng, ngày Giỗ Tổ

Hùng Vương, ngày 30/4-01/5, ngày Quốc khánh 02/9), quân số 01 tiểu đội, thời gian từ 03 đến 4 ngày/đợt (bình quân 151 trung đội x 7 ngày/năm).

2. Tham gia bảo vệ chủ quyền, an ninh biên giới quốc gia, hải đảo, vùng trời Việt Nam; bảo vệ an ninh quốc gia, bảo đảm trật tự, an toàn xã hội; đối tượng là Dân quân biển, quân số 30 đồng chí, thời gian 60 ngày/năm (2 đợt, mỗi đợt 30 ngày).

3. Tham gia phòng chống lụt bão, khắc phục hậu quả thiên tai, cháy, nổ; dịch bệnh; tìm kiếm, cứu hộ, cứu nạn:

- Phòng chống lụt bão: bình quân 5 đợt/năm, Dân quân cơ động quân số 4.228 đồng chí, thời gian bình quân 04 ngày/đợt (20 ngày/năm); Dân quân tại chỗ quân số 2.901 đồng chí, thời gian 02 ngày/đợt (10 ngày/năm).

- Phòng thủ dân sự: phòng chống khắc phục hậu quả thảm họa, sự cố, thiên tai, dịch bệnh, cháy, nổ tìm kiếm, cứu hộ, cứu nạn - Tham gia phòng chống dịch bệnh: Lực lượng Dân quân tại chỗ 2.901 đồng chí, thời gian bình quân 05 ngày/năm; lực lượng Dân quân y tế 408 đồng chí, thời gian 30 ngày/năm.

4. Tham gia bảo vệ phòng chống cháy rừng, bảo vệ môi trường, lực lượng Dân quân cơ động 4.228 đồng chí, thời gian bình quân 02 ngày/năm.

5. Tham gia phòng thủ dân sự và các nhiệm vụ đột xuất khác đối tượng là dân quân cơ động quân số 4.228 đồng chí, thời gian bình quân 04 ngày/năm.

V. BẢO ĐẢM SẴN SÀNG CHIẾN ĐẤU, HUẤN LUYỆN, HOẠT ĐỘNG CHO DÂN QUÂN TỰ VỆ

1. Vũ khí, vật liệu nổ quân dụng

Thực hiện theo quy định tại Thông tư số 76/2020/TT-BQP, ngày 23 tháng 2 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng.

2. Công cụ hỗ trợ, trang bị, phương tiện

Đối tượng được trang bị: Dân quân cơ động, dân quân thường trực, dân quân tự vệ tại chỗ; được trang bị áo giáp, mũ bảo hộ, dùi cui, roi điện, lá chắn... các công cụ hỗ trợ được quản lý chặt chẽ để trong tủ riêng, khi sử dụng phải được sự nhất trí của cấp trên trực tiếp.

3. Bảo đảm cơ sở, vật chất

3.1. Đầu tư kinh phí xây dựng nhà làm việc Ban chỉ huy quân sự cấp xã, nơi ăn, nghỉ cho tiểu đội dân quân thường trực. Phấn đấu đến năm 2025 đạt 70% trở lên Ban chỉ huy quân sự cấp xã có nhà làm việc.

3.2. Bảo đảm tiêu chuẩn, định mức cơ bản trang thiết bị làm việc của Ban chỉ huy quân sự cấp xã, Ban chỉ huy quân sự cơ quan, tổ chức thực hiện theo quy định tại Phụ lục I, Nghị định số 72/2020/NĐ-CP, ngày 30 tháng 6 năm 2020 của Chính phủ.

3.3. Vật chất văn hóa tinh thần: Phòng nghỉ, trực của chiến sỹ Dân quân trang bị TiVi; hằng ngày, Ban chỉ huy quân sự cấp xã, Ban chỉ huy quân sự cơ quan, tổ chức, đơn vị Dân quân thường trực được cấp 01 số Báo Quân đội nhân dân.

3.4. Vật chất huấn luyện, hoạt động: Được bảo đảm vật chất, mô hình, tranh ảnh phục vụ cho công tác huấn luyện và các vật chất khác phục vụ cho hoạt động của Dân quân tự vệ.

3.5. Đầu tư kinh phí xây dựng nhà kho, tủ sắt đựng vũ khí, đạn; tủ đựng công cụ hỗ trợ theo qui định.

VI. KINH PHÍ BẢO ĐẢM

1. Tổng khái toán kinh phí Đề án (làm tròn): 715.931.910.000 đồng.

- Kinh phí khái toán thực chi: 650.847.191.000 đồng

- Kinh phí dự phòng 10% tăng thêm: 65.084.719.000 đồng.

1.1. Bảo đảm chế độ, chính sách cho Dân quân tự vệ

1.1.1 Bảo đảm trang phục, sao mũ, phù hiệu

Trang phục của Dân quân tự vệ được thực hiện theo quy định của Luật Dân quân tự vệ và Nghị định số 72/2020/NĐ-CP.

Kinh phí bảo đảm trang phục cho Dân quân tự vệ 2021-2025 (làm tròn): 72.444.357.000 đồng.

1.1.2. Bảo đảm phụ cấp tháng, phụ cấp chức vụ, phụ cấp thâm niên, phụ cấp đặc thù quốc phòng, quân sự

- Bảo đảm phụ cấp tháng

+ Đối với Phó Chỉ huy trưởng Ban chỉ huy quân sự cấp xã: Mức phụ cấp hàng tháng thực hiện theo quy định của người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã (hiện nay được hưởng hệ số 1,4 so mới lượng tối thiểu hiện tại (tương đương $1,4 \times 1.490.000 \text{ đồng} = 2.086.000 \text{ đồng}$). Trường hợp nghỉ việc được hưởng trợ cấp một lần theo Nghị định 72/2020 của Chính phủ.

+ Đối với Thôn đội trưởng: Được hưởng mức phụ cấp hàng tháng 745.000 đồng.

- Bảo đảm phụ cấp chức vụ, phụ cấp thâm niên chỉ huy Dân quân tự vệ được chi trả theo tháng, mức hưởng:

+ Chỉ huy trưởng, Chính trị viên Ban chỉ huy quân sự cấp xã; Chỉ huy trưởng, Chính trị viên, Ban chỉ huy quân sự cơ quan, tổ chức: 357.600 đồng;

+ Phó Chỉ huy trưởng, Chính trị viên phó Ban chỉ huy quân sự cấp xã; Phó Chỉ huy trưởng, Chính trị viên phó Ban chỉ huy quân sự cơ quan, tổ chức, Hải đội trưởng, Chính trị viên hải đội Dân quân thường trực: 327.800 đồng;

+ Phó Hải đội trưởng, Chính trị viên phó hải đội Dân quân thường trực: 312.900 đồng.

+ Đại đội trưởng, Chính trị viên đại đội, Trung đội trưởng Dân quân cơ động, Trung đội trưởng Dân quân thường trực: 298.000 đồng;

+ Thôn đội trưởng: 178.800 đồng và hưởng thêm 29.800 đồng khi kiêm nhiệm chức vụ tiểu đội trưởng, hoặc 35.760 đồng khi kiêm nhiệm chức vụ trung

đội trưởng Dân quân tại chỗ. Trường hợp thôn chỉ tổ chức tổ dân quân tại chỗ thì được hưởng thêm 29.800 đồng.

+ Phó Đại đội trưởng, Chính trị viên phó đại đội: 223.500 đồng.

+ Trung đội trưởng; Tiểu đội trưởng Dân quân thường trực: 178.800 đồng;

+ Tiểu đội trưởng, Khẩu đội trưởng: 149.000 đồng.

- Chế độ phụ cấp đặc thù quốc phòng, quân sự của Phó Chỉ huy trưởng Ban chỉ huy quân sự cấp xã, các chức vụ chỉ huy đơn vị Dân quân cơ động, Dân quân thường trực:

+ Mức phụ cấp đặc thù quốc phòng, quân sự được tính bằng 50% tổng phụ cấp hiện hưởng gồm: Phụ cấp hằng tháng, phụ cấp chức vụ, phụ cấp thâm niên.

+ Thời gian được hưởng phụ cấp đặc thù quốc phòng, quân sự, tính từ ngày có quyết định bổ nhiệm, và thực hiện cho đến khi có quyết định thôi giữ chức vụ đó; trường hợp giữ chức vụ từ 15 ngày trở lên trong tháng thì được hưởng phụ cấp cả tháng, giữ chức vụ dưới 15 ngày trong tháng thì được hưởng 50% phụ cấp đặc thù quốc phòng, quân sự của tháng đó.

- Chế độ phụ cấp thâm niên các chức vụ chỉ huy quân sự cấp xã

+ Chỉ huy trưởng, Chính trị viên, Phó Chỉ huy trưởng, Chính trị viên phó Ban chỉ huy quân sự cấp xã có thời gian công tác từ đủ 60 tháng trở lên được hưởng phụ cấp thâm niên. Mức phụ cấp được hưởng như sau: Sau 05 năm (đủ 60 tháng) công tác thì được hưởng phụ cấp thâm niên bằng 5% mức lương hiện hưởng và phụ cấp chức vụ, phụ cấp thâm niên vượt khung (nếu có) hoặc phụ cấp hằng tháng hiện hưởng; từ năm thứ sáu trở đi mỗi năm (đủ 12 tháng) được tính thêm 1%.

+ Chỉ huy trưởng, Chính trị viên, Phó Chỉ huy trưởng, Chính trị viên phó Ban chỉ huy quân sự cấp xã có thời gian công tác ở các ngành nghề khác nếu được hưởng phụ cấp thâm niên thì được cộng nối thời gian đó với thời gian giữ các chức vụ chỉ huy Ban chỉ huy quân sự cấp xã để tính hưởng phụ cấp thâm niên. Thời gian tính hưởng phụ cấp thâm niên quy định tại khoản 1, Điều 10, Nghị định số 72/2020/NĐ-CP nếu có đứt quãng thì được cộng dồn.

+ Chế độ phụ cấp thâm niên được tính trả cùng kỳ lương, phụ cấp hằng tháng và được tính đóng, hưởng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế.

+ Thời gian không được tính hưởng phụ cấp thâm niên

Thời gian bị đình chỉ công tác hoặc bị tạm giữ, tạm giam để phục vụ công tác điều tra, truy tố, xét xử; thời gian chấp hành hình phạt tù giam; thời gian tự ý nghỉ việc. Thời gian nghỉ việc riêng không hưởng lương hoặc phụ cấp liên tục từ 01 tháng trở lên. Thời gian nghỉ ốm đau, thai sản vượt quá thời hạn quy định của pháp luật về bảo hiểm xã hội.

Kinh phí bảo đảm phụ cấp tháng, phụ cấp chức vụ, phụ cấp thâm niên, phụ cấp đặc thù quốc phòng, quân sự (làm tròn): 137.024.580.000 đồng.

1.1.3. Bảo đảm tiền ăn, trợ cấp ngày công lao động, phụ cấp đặc thù đi biển, bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội, trợ cấp một lần đối với Dân quân thường trực (thực

hiện theo Luật Dân quân tự vệ và Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh).

Khi Dân quân tham gia huấn luyện, diễn tập, hoạt động, khi làm nhiệm vụ khác theo kế hoạch do cấp có thẩm quyền phê duyệt được hưởng trợ cấp ngày công lao động, tiền ăn, phụ cấp đặc thù đi biển, định mức quy định như sau:

- Đối với Dân quân tại chỗ, Dân quân cơ động, Dân quân phòng không, pháo binh, trinh sát, thông tin, công binh, phòng hóa, y tế: Mức trợ cấp ngày công lao động 120.000 đồng, trường hợp được kéo dài thời hạn thực hiện nghĩa vụ tham gia Dân quân tự vệ theo quyết định của cấp có thẩm quyền, mức trợ cấp tăng thêm 60.000 đồng; được hưởng tiền ăn bằng tiền ăn cơ bản của hạ sĩ quan, binh sĩ bộ binh đang tại ngũ trong Quân đội nhân dân Việt Nam;

- Đối với Dân quân biển: Khi làm nhiệm vụ, trừ nhiệm vụ đấu tranh bảo vệ hải đảo, vùng biển: Mức trợ cấp ngày công lao động bằng 178.800 đồng; được hưởng tiền ăn bằng mức tiền ăn như hạ sĩ quan, binh sĩ hải quân trên tàu cấp 1 neo đậu tại căn cứ (102.000 đồng/ngày). Khi làm nhiệm vụ đấu tranh bảo vệ hải đảo, vùng biển được mức hưởng theo Nghị định số 72/2020/NĐ-CP, ngày 30 tháng 6 năm 2020 của Chính phủ.

- Đối với Dân quân thường trực

+ Mức trợ cấp ngày công lao động 120.000 đồng, được hưởng tiền ăn bằng tiền ăn cơ bản của hạ sĩ quan, binh sĩ bộ binh đang tại ngũ trong Quân đội nhân dân Việt Nam; được bảo đảm nơi ăn, nghỉ.

+ Mức trợ cấp một lần cho Dân quân thường trực khi được công nhận hoàn thành nghĩa vụ quân sự tại ngũ trong thời bình, cứ mỗi năm phục vụ trong đơn vị Dân quân thường trực được trợ cấp bằng 2.980.000 đồng. Trường hợp có tháng lễ được tính như sau: Dưới 01 tháng không được trợ cấp; từ 01 tháng đến 06 tháng được hưởng trợ cấp bằng 1.490.000 đồng; từ 07 tháng đến 11 tháng được hưởng trợ cấp bằng 2.980.000 đồng.

+ Mức hưởng các chế độ, chính sách về bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, tiêu chuẩn vật chất hậu cần như hạ sĩ quan, binh sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam đang tại ngũ theo quy định của pháp luật về bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế (được hỗ trợ đóng bảo hiểm xã hội 10% so với lương tối thiểu/tháng, bảo hiểm y tế 804.600 đồng/năm).

Kinh phí bảo đảm: 388.800.489.000 đồng.

1.2. Kinh phí bảo đảm công cụ hỗ trợ, vũ khí thô sơ, trang thiết bị, phương tiện kỹ thuật, cơ sở vật chất

Kinh phí bảo đảm: 52.577.766.000 đồng

2. Phân kỳ bảo đảm hàng năm

Khái toán tổng kinh phí bảo đảm thực hiện Đề án giai đoạn 2021-2025 là: 715.931.910.000 đồng; Thực hiện nhiệm vụ thường xuyên 650.847.191.000 đồng; dự phòng 10% tăng thêm: 65.084.719.000 đồng.

- Năm 2021: 134.849.343.000 đồng.

+ Thực hiện nhiệm vụ thường xuyên: 122.590.312.000 đồng.

- + Dự phòng 10% tăng thêm: 12.259.031.000 đồng
- Năm 2022: 124.367.971.000 đồng
- + Thực hiện nhiệm vụ thường xuyên: 113.061.792.000 đồng.
- + Dự phòng 10% tăng thêm: 11.306.179.000 đồng.
- Năm 2023: 134.516.199.000 đồng
- + Thực hiện nhiệm vụ thường xuyên: 122.287.454.000 đồng.
- + Dự phòng 10% tăng thêm: 12.228.745.000 đồng.
- Năm 2024: 157.381.598.000 đồng.
- + Thực hiện nhiệm vụ thường xuyên: 143.074.180.000 đồng.
- + Dự phòng 10% tăng thêm: 14.307.418.000 đồng.
- Năm 2025: 164.816.798.000 đồng
- + Thực hiện nhiệm vụ thường xuyên: 149.833.753.000 đồng.
- + Dự phòng 10% tăng thêm: 14.983.345.000 đồng.

3. Nguồn kinh phí, ngân sách để thực hiện Đề án

- Kinh phí, ngân sách nhà nước đảm bảo cho hoạt động của Dân quân tự vệ được bố trí trong dự toán chi ngân sách nhà nước hàng năm của các cấp trên địa bàn tỉnh. Nhiệm vụ chi của từng cấp ngân sách theo quy định của Chính phủ, Nghị quyết Hội đồng nhân dân cấp tỉnh về phân định nhiệm vụ thu, nhiệm vụ chi của các cấp ngân sách, giai đoạn 2021-2025.

- Ngân sách của các cơ quan, tổ chức, tổ chức kinh tế, tổ chức chính trị xã hội (các cơ quan, đơn vị có xây dựng lực lượng Tự vệ), ủng hộ của các tổ chức, cá nhân cho công tác xây dựng lực lượng Dân quân tự vệ.

- Nguồn thu hợp pháp khác.

4. Phân cấp ngân sách bảo đảm

4.1. Ngân sách của tỉnh bảo đảm chi cho thực hiện các chế độ sau:

- Chế độ cho lực lượng Dân quân tự vệ khi Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh huy động thực hiện nhiệm vụ tập huấn, huấn luyện, hội thi, hội thao và diễn tập khu vực phòng thủ cấp tỉnh, Quân khu; cứu nạn, cứu phòng chống thiên tai, dịch bệnh.

- Bảo đảm trang phục cho lực lượng Dân quân tự vệ.
- Mua sắm trang bị công cụ hỗ trợ cho Dân quân tự vệ toàn tỉnh.
- Bảo đảm các chế độ cho Hải đội dân quân thường trực.
- Khen thưởng đơn vị, cá nhân Dân quân tự vệ đột xuất theo phân cấp.

4.2. Ngân sách các huyện, thị xã, thành phố bảo đảm ngân sách chi cho thực hiện các chế độ:

- Chế độ phụ cấp trách nhiệm quản lý chỉ huy đơn vị Dân quân tự vệ trực

kg

thuộc huyện, thị xã, thành phố.

- Chế độ phụ cấp thâm niên.
- Chế độ phụ cấp đặc thù quốc phòng, quân sự.
- Chế độ cho lực lượng Dân quân thường trực.
- Chế độ cho lực lượng Dân quân khi Ban chỉ huy quân sự cấp huyện huy động để thực hiện nhiệm vụ tập huấn, huấn luyện, diễn tập, hội thi, hội thao; trực sẵn sàng chiến đấu, phòng chống thiên tai, dịch bệnh theo phân cấp.
- Chế độ cho lực lượng Dân quân bị ốm đau, tai nạn, bị chết, bị thương hoặc hy sinh trong khi huấn luyện, hoạt động.

4.3. Ngân sách các xã, phường, thị trấn

Bảo đảm chế độ cho lực lượng dân quân thực hiện nhiệm vụ huấn luyện theo phân cấp, diễn tập cấp xã, sẵn sàng chiến đấu, tuần tra truy quét, phòng chống bão lụt, thiên tai, dịch bệnh theo phân cấp.

4.4. Việc lập dự toán ngân sách

Ngân sách quản lý, sử dụng, thanh quyết toán chi cho lực lượng Dân quân tự vệ thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành.

4.5. Ngân sách hàng năm

Căn cứ vào khả năng ngân sách của địa phương, Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định lộ trình bảo đảm ngân sách cho lực lượng Dân quân tự vệ để đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ của địa phương.

Phần 3 TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh

- Phối hợp cùng các sở, ban, ngành có liên quan quán triệt, triển khai và tổ chức thực hiện Đề án, giai đoạn 2021-2025.

- Hàng năm lập kế hoạch xây dựng lực lượng Dân quân tự vệ, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh và Bộ Tư lệnh Quân khu 5. Chỉ đạo, hướng dẫn, triển khai cho Ban Chỉ huy Quân sự các huyện, thị xã, thành phố, Ban Chỉ huy Quân sự cơ quan, tổ chức cơ sở lập kế hoạch xây dựng lực lượng Dân quân tự vệ; kế hoạch xây dựng mô hình điểm Dân quân tự vệ; triển khai thực hiện công tác Dân quân tự vệ chặt chẽ, chất lượng và hiệu quả. Phối hợp hướng dẫn, kiểm tra việc lập dự toán ngân sách bảo đảm cho công tác xây dựng, huấn luyện, hoạt động của lực lượng Dân quân tự vệ trên địa bàn tỉnh.

- Phối hợp với các sở, ban, ngành có liên quan theo chức năng, nhiệm vụ của từng ngành tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo các địa phương, đơn vị xây dựng lực lượng Dân quân tự vệ gắn với xây dựng nền Quốc phòng toàn dân, xây dựng khu vực phòng thủ của tỉnh ngày càng vững chắc.

- Phối hợp với các sở, ban ngành có liên quan tổ chức thanh tra, kiểm tra, sơ kết việc thực hiện Đề án ở các địa phương cơ sở theo định kỳ hàng năm và theo từng giai đoạn, tổng hợp báo cáo, đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh để chỉ đạo thực hiện có hiệu quả Đề án đã ban hành.

- Hàng năm, chủ trì phối hợp với các các sở, ngành có liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh khảo sát, rà soát, xác định cấp xã trọng điểm về quốc phòng, báo cáo Tư lệnh Quân khu theo quy định.

2. Các sở, ban, ngành thuộc tỉnh

- Sở Tài chính chủ trì phối hợp với Sở Nội vụ, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh lập kế hoạch bảo đảm ngân sách chi nhiệm vụ xây dựng, huấn luyện, hoạt động, chế độ chính sách cho lực lượng Dân quân tự vệ và các nội dung khác được xác định trong Đề án; hướng dẫn, kiểm tra việc lập dự toán và thanh quyết toán ngân sách Nhà nước bảo đảm cho công tác Dân quân tự vệ ở các Sở, ngành và các địa phương theo quy định của Luật Ngân sách Nhà nước.

- Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì phối hợp với các sở, ban, ngành và Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh và Hội đồng nhân dân tỉnh chủ trương đầu tư các dự án sử dụng nguồn vốn đầu tư theo Đề án; đồng thời tham mưu cân đối, bố trí vốn trong kế hoạch đầu tư trung hạn, giai đoạn 2021-2025 phù hợp với khả năng chi đầu tư của tỉnh trong cả giai đoạn.

- Sở Nội vụ phối hợp với Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh cử nguồn tham gia đào tạo cán bộ ngành quân sự cơ sở đảm bảo chỉ tiêu trên giao; phối hợp với các cơ quan, sở, ngành giải quyết các nội dung liên quan, thuộc thẩm quyền của Sở Nội vụ trong quá trình triển khai thực hiện Đề án.

- Sở Tài nguyên và Môi trường phối hợp với Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh khảo sát, chọn vị trí xây dựng thao trường huấn luyện Dân quân tự vệ để nâng cao chất lượng huấn luyện, sát với địa hình thực tế ở địa phương.

- Các sở, ngành khác có liên quan theo chức năng, nhiệm vụ phối hợp với Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh giải quyết tốt chế độ, chính sách và các nội dung thuộc thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

3. Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố

- Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố chịu trách nhiệm trước cấp ủy Đảng, Hội đồng nhân dân cùng cấp và Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về thực hiện công tác Dân quân tự vệ, thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của mình về công tác Dân quân tự vệ theo quy định của Luật Dân quân tự vệ. Trên cơ sở Đề án của tỉnh, chỉ đạo Ban Chỉ huy Quân sự cấp huyện phối hợp với các ban, ngành cùng cấp xây dựng Đề án tổ chức lực lượng, huấn luyện, hoạt động và bảo đảm chế độ chính sách đối với lực lượng Dân quân tự vệ trên địa bàn cấp huyện, giai đoạn 2021-2025 trình Hội đồng nhân dân cùng cấp phê duyệt, tổ chức thực hiện; chỉ đạo cấp xã xây dựng Kế hoạch tổ chức lực lượng, huấn luyện, hoạt động và bảo đảm chế độ chính sách đối với lực lượng Dân quân tự vệ trên địa bàn cấp xã, giai đoạn 2021-2025 trình Hội đồng nhân dân cùng cấp phê duyệt, tổ chức thực hiện.

- Chỉ đạo cơ quan quân sự cấp huyện lập kế hoạch xây dựng mô hình điểm Dân quân tự vệ; kế hoạch tổ chức xây dựng lực lượng, huấn luyện, hoạt động, bảo đảm chế độ chính sách cho lực lượng Dân quân tự vệ hàng năm trình Ủy ban nhân dân, phê duyệt và báo cáo Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh để triển khai thực hiện. Chỉ đạo cơ quan quân sự địa phương cùng cấp và Ủy ban nhân dân cấp xã xây dựng, lập dự toán ngân sách bảo đảm cho xây dựng, huấn luyện, hoạt động, chế độ chính sách của lực lượng Dân quân tự vệ trên địa bàn.

- Chủ trì, phối hợp các cơ quan, đơn vị có liên quan thường xuyên rà soát, hướng dẫn tuyển dụng, bố trí đội ngũ cán bộ Chỉ huy trưởng, Phó Chỉ huy trưởng Ban Chỉ huy Quân sự cấp xã bảo đảm số lượng đúng theo quy định.

- Tổ chức thanh tra, kiểm tra sơ kết, tổng kết việc thực hiện Đề án theo định kỳ hàng năm báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh và Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh.

4. Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn

- Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn chịu trách nhiệm toàn diện về tổ chức triển khai thực hiện công tác xây dựng, huấn luyện hoạt động và chế độ chính sách của lực lượng dân quân thuộc quyền trước cấp ủy, Hội đồng nhân dân cùng cấp và Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện. Trên cơ sở Đề án của cấp huyện, chỉ đạo Ban Chỉ huy Quân sự cấp xã tham mưu xây dựng Kế hoạch tổ chức lực lượng, huấn luyện, hoạt động và bảo đảm chế độ chính sách đối với lực lượng Dân quân tự vệ trên địa bàn cấp xã, giai đoạn 2021-2025 trình Hội đồng nhân dân cùng cấp phê duyệt, tổ chức thực hiện.

- Chỉ đạo Ban Chỉ huy Quân sự cấp xã hàng năm lập kế hoạch xây dựng lực lượng dân quân; dự toán ngân sách chi cho thực hiện Kế hoạch trình Ủy ban nhân dân cùng cấp và Ban Chỉ huy Quân sự cấp huyện phê duyệt để tổ chức thực hiện.

- Bảo đảm chế độ chính sách cho lực lượng Dân quân tự vệ theo quy định và chính sách hậu phương quân đội.

5. Công tác thanh tra, kiểm tra, tổng kết

- Hàng năm Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh chủ trì, phối hợp các sở, ngành có liên quan tổ chức thanh tra, kiểm tra kết quả thực hiện Đề án, báo cáo cho Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân tỉnh;

- Các địa phương thực hiện công tác thanh tra, kiểm tra thực hiện Đề án theo quyền hạn quy định;

- Kết thúc thực hiện Đề án, giai đoạn 2021-2025 tổ chức tổng kết đề xuất chủ trương, biện pháp xây dựng lực lượng Dân quân tự vệ trong thời gian tiếp theo, đáp ứng với yêu cầu, nhiệm vụ quân sự, quốc phòng đặt ra./.

